

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 300 /UBND-KGVX
V/v khẩn trương tiếp nhận
và đẩy nhanh tiến độ tiêm
chủng vắc xin phòng
Covid-19.

Kiên Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Theo báo cáo của Sở Y tế, tính đến ngày 22/02/2023 tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid-19 toàn tỉnh ghi nhận: Người từ 18 tuổi trở lên tiêm mũi 1 đạt 110,74%, mũi cơ bản đạt 109,07%, mũi 3 đạt 80,87%, mũi 4 đạt 92,83% (*Phụ lục 1*); trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi tiêm mũi 1 đạt 114,25%, mũi 2 đạt 110,95%, mũi 3 đạt 68,09% (*Phụ lục 2*); trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi tiêm mũi 1 đạt 100,17%, mũi 2 đạt 85,42% (*Phụ lục 3*). Từ số liệu thống kê trên cho thấy tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid-19 còn thấp ở các nhóm đối tượng: Mũi 3 cho người từ 12 tuổi trở lên và mũi 2 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi.

Bên cạnh đó, trên cơ sở đề xuất của các địa phương, ngày 19/02/2023 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đã phân bổ vắc xin để tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên và tiêm mũi cơ bản cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi. Tuy nhiên đến cuối ngày 22/02/2023, có 04 đơn vị là Phú Quốc, Vĩnh Thuận, An Minh, Gò Quao đã tiếp nhận, còn 11 đơn vị chưa nhận vắc xin để triển khai tiêm chủng cho các nhóm đối tượng.

Để hoàn thành các mục tiêu tiêm chủng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Y tế nhằm tăng tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng Covid-19 cho các nhóm đối tượng, duy trì hiệu quả miễn dịch phòng bệnh của vắc xin, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thành phố khẩn trương chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Chỉ đạo Trung tâm Y tế khẩn trương tiếp nhận và đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên, mũi 4 cho các đối tượng có chỉ định theo hướng dẫn của Bộ Y tế; hoàn thành việc tiêm mũi 1, mũi 2 cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi. Tiếp tục thống kê, rà soát đối tượng trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi chưa tiêm đủ các mũi vắc xin, đặc biệt là chưa tiêm mũi 3 để kịp thời tổ chức tiêm ngay khi được phân bổ vắc xin. Tăng cường tổ chức các điểm tiêm lưu động tại trường học, nhà máy,



khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm dân cư,... để tăng tỷ lệ bao phủ và đảm bảo không bỏ sót đối tượng tiêm chủng.

2. Chỉ đạo tăng cường công tác phối hợp giữa ngành Y tế và ngành Giáo dục và Đào tạo trong việc thống kê, rà soát, báo cáo học sinh chưa tiêm đủ các mũi vắc xin để kịp thời tổ chức tiêm cho trẻ trong thời gian sớm nhất; phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tuyên truyền, vận động các em và phụ huynh, người chăm sóc trẻ em đưa con em đi tiêm chủng phòng dịch Covid-19 đầy đủ, kịp thời.

3. Tiếp tục tăng cường công tác truyền thông về chiến dịch tiêm vắc xin phòng Covid-19 để người dân hiểu và đồng thuận đi tiêm chủng đầy đủ các mũi; thành lập các đội tuyên truyền, rà soát đối tượng, vận động tiêm vắc xin đến từng địa bàn dân cư đảm bảo không bỏ sót đối tượng cần tiêm chủng, tăng tỷ lệ bao phủ vắc xin cho người dân. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở hoạt động tiêm chủng vắc xin, đặc biệt là các địa phương có tỷ lệ tiêm chủng các mũi đạt thấp.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Y tế) để theo dõi, chỉ đạo. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên TTCH phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh;
- Sở Y tế;
- Chánh, Phó CVP;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, pthtran.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



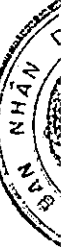
Nguyễn Lưu Trung



Phụ lục 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 CHO ĐỐI TƯỢNG TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN
Đến ngày 22/02/2023

TT	Địa phương/đơn vị	Đối tượng		Số tiêm được								Ghi chú
				Mũi 1		Đủ mũi cơ bản*		Liều nhắc 1 (mũi 3)		Liều nhắc lần 2 (mũi 4)		
		Từ 18 tuổi trở lên	Tiêm liều nhắc lại lần 2 (mũi 4)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	TP. Rạch Giá	155.002	33.471	173.351	111,84	168.261	108,55	119.908	77,36	32.188	96,17	
2	H. Tân Hiệp	69.683	19.754	77.507	111,23	76.747	110,14	64.936	93,19	23.669	119,82	
3	H. Châu Thành	104.190	28.130	105.959	101,70	105.356	101,12	79.140	75,96	28.556	101,51	
4	H. Giồng Riềng	123.612	60.392	119.998	97,08	120.883	97,79	94.044	76,08	47.927	79,36	
5	H. Gò Quao	70.838	21.616	75.287	106,28	77.227	109,02	59.077	83,40	21.517	99,54	
6	H. Hòn Đất	96.595	22.141	102.209	105,81	99.365	102,87	68.336	70,74	19.273	87,05	
7	H. Kiên Lương	57.213	22.656	58.875	102,90	57.859	101,13	42.443	74,18	19.705	86,97	
8	H. Giang Thành	18.758	7.284	20.652	110,10	19.740	105,24	16.909	90,14	6.008	82,48	
9	TP. Hà Tiên	35.965	5.844	38.998	108,43	38.669	107,52	30.687	85,32	5.935	101,56	
10	H. An Minh	80.201	24.840	82.313	102,63	80.263	100,08	69.460	86,61	27.538	110,86	
11	H. An Biên	66.636	15.738	75.419	113,18	75.687	113,58	56.030	84,08	11.808	75,03	
12	H. U Minh Thượng	38.022	10.634	45.111	118,64	43.965	115,63	31.818	83,68	10.429	98,07	
13	H. Vĩnh Thuận	55.687	33.633	54.316	97,54	57.450	103,17	46.434	83,38	25.382	75,47	
14	H. Kiên Hải	9.172	4.628	13.290	144,90	12.878	140,41	8.464	92,28	4.419	95,48	
15	TP. Phú Quốc	109.350	19.936	150.931	138,03	142.676	130,48	91.378	83,56	19.445	97,54	
16	Sở, ban ngành, BV, PKĐK		17.934	13.826		12.887		3.216		19.822	110,53	
Tổng		1.090.924	348.631	1.208.042	110,74	1.189.913	109,07	882.280	80,87	323.621	92,83	

*Đủ mũi cơ bản là đối tượng đã được tiêm mũi 2 vắc xin AstraZeneca, Pfizer, Moderna, Vero Cell hoặc mũi 3 Abdala



Phụ lục 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 CHO TRẺ EM 12 ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI

Đến ngày 22/02/2023

TT	Địa phương/đơn vị	Đối tượng trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi	Số tiêm được						Ghi chú
			Mũi 1		Mũi 2		Mũi nhắc lại		
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	TP. Rạch Giá	20.357	25.041	123,01	23.448	115,18	12.712	62,45	
2	H. Tân Hiệp	12.335	12.644	102,51	12.688	102,86	9.869	80,01	
3	H. Châu Thành	13.196	13.606	103,11	13.713	103,92	7.947	60,22	
4	H. Giồng Riềng	18.503	19.032	102,86	18.089	97,76	11.707	63,27	
5	H. Gò Quao	9.381	11.164	119,01	10.105	107,72	7.367	78,53	
6	H. Hòn Đất	12.861	17.058	132,63	17.213	133,84	8.755	68,07	
7	H. Kiên Lương	7.684	8.559	111,39	8.596	111,87	6.760	87,98	
8	H. Giang Thành	2.474	3.311	133,83	3.178	128,46	1.559	63,02	
9	TP. Hà Tiên	5.501	5.538	100,67	5.560	101,07	2.429	44,16	
10	H. An Minh	9.453	11.994	126,88	11.006	116,43	6.802	71,96	
11	H. An Biên	10.895	11.748	107,83	12.260	112,53	7.517	68,99	
12	H. U Minh Thượng	6.532	7.259	111,13	6.884	105,39	4.624	70,79	
13	H. Vĩnh Thuận	8.874	7.607	85,72	7.793	87,82	5.479	61,74	
14	H. Kiên Hải	1.334	1.925	144,30	1.660	124,44	1.001	75,04	
15	TP. Phú Quốc	9.865	14.024	142,16	13.391	135,74	7.093	71,90	
Tổng		149.245	170.510	114,25	165.584	110,95	101.621	68,09	

11/02/2023

Phụ lục 3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 CHO TRẺ EM 5 ĐẾN DƯỚI 12 TUỔI

Đến ngày 22/02/2023

TT	Địa phương/đơn vị	Đối tượng 5 đến dưới 12 tuổi	Số tiêm được				Ghi chú
			Mũi 1		Mũi 2		
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	TP. Rạch Giá	25.201	24.081	95,56	17.834	70,77	
2	H. Tân Hiệp	13.658	14.455	105,84	13.391	98,05	
3	H. Châu Thành	18.304	18.564	101,42	15.628	85,38	
4	H. Giồng Riềng	24.282	25.077	103,27	22.477	92,57	
5	H. Gò Quao	15.810	16.062	101,59	14.632	92,55	
6	H. Hòn Đất	20.112	20.662	102,73	16.457	81,83	
7	H. Kiên Lương	9.668	9.272	95,90	8.367	86,54	
8	H. Giang Thành	4.086	4.055	99,24	3.716	90,94	
9	TP. Hà Tiên	5.893	5.460	92,65	4.253	72,17	
10	H. An Minh	13.726	15.340	111,76	12.113	88,25	
11	H. An Biên	16.059	15.649	97,45	14.705	91,57	
12	H. U Minh Thượng	8.964	9.232	102,99	7.481	83,46	
13	H. Vĩnh Thuận	10.826	10.418	96,23	10.188	94,11	
14	H. Kiên Hải	2.088	1.988	95,21	1.544	73,95	
15	TP. Phú Quốc	17.514	16.217	92,59	13.345	76,20	
Tổng		206.191	206.532	100,17	176.131	85,42	

